

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH
CẤP XÃ (TRƯỚC ĐÂY) NGHỈ THÔI VIỆC THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2025/NĐ-CP KỂ TỪ NGÀY 31/5/2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của UBND xã)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh hiện tại	Chức danh không chuyên trách cấp xã (trước ngày 01/7/2025)	Mức phụ cấp tại thời điểm tháng 6/2025 (đồng)	Thời gian công tác (tính đến 31/5/2026)	Quy đổi thời gian		Tuổi khi giải quyết nghỉ việc	Dự kiến kinh phí thực hiện chế độ, chính sách (đồng)				Ghi chú
		Nam	Nữ					Năm công tác	Tháng công tác		Tổng cộng	Hưởng trợ cấp một lần	Hưởng trợ cấp theo số năm công tác	Trợ cấp 03 tháng phụ cấp hàng tháng hiện hưởng để tìm việc làm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(13)+(14)+(15)	(13)	(14)	(15)	(16)
I	Đối với người có dưới 05 năm công tác:														
1	Hồ Trí Toán	07/7/1999		Hỗ trợ công việc tại VP HĐND&UBND xã	Cán bộ phụ trách TT Văn hóa, Thể thao - Học tập cộng đồng	5.475.600	2 năm 5 tháng	2.5	29	26 tuổi 10 tháng	163,994,220	127,033,920	20,533,500	16,426,800	
2	Phan Thị Huỳnh		01/3/1998	Hỗ trợ công việc tại Phòng VH-XH	Cán bộ phụ trách Quản lý nhà Văn hóa	4.914.000	3 năm 9 tháng	4	45	28 tuổi 1 tháng	221,130,000	176,904,000	29,484,000	14,742,000	
3	Ong Thị Mỹ Yên		21/10/1998	Hỗ trợ công việc tại Phòng VH-XH	Cán bộ Văn phòng Đảng ủy	5.475.600	1 năm 10 tháng	2	22	27 tuổi 5 tháng	129,224,160	96,370,560	16,426,800	16,426,800	
4	Lâm Ngọc Nhiều	15/8/1990		Hỗ trợ công việc tại VP HĐND&UBND xã	Cán bộ Dân vận Đảng ủy	4.352.400	4 năm 7 tháng	5	55	35 tuổi 9 tháng	237,205,800	191,505,600	32,643,000	13,057,200	
5	Trịnh Hoàng Đô	15/12/1994		Hỗ trợ công việc tại Phòng Kinh tế	Cán bộ giao thông, xây dựng, thủy lợi	5.475.600	3 năm 1 tháng	3.5	37	31 tuổi 3 tháng	207,251,460	162,077,760	28,746,900	16,426,800	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh hiện tại	Chức danh không chuyên trách cấp xã (trước ngày 01/7/2025)	Mức phụ cấp tại thời điểm tháng 6/2025 (đồng)	Thời gian công tác (tính đến 31/5/2026)	Quy đổi thời gian		Tuổi khi giải quyết nghỉ việc	Dự kiến kinh phí thực hiện chế độ, chính sách (đồng)				Ghi chú
		Nam	Nữ					Năm công tác	Tháng công tác		Tổng cộng	Hưởng trợ cấp một lần	Hưởng trợ cấp theo số năm công tác	Trợ cấp 03 tháng phụ cấp hàng tháng hiện hưởng để tìm việc làm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(13)+(14)+(15)	(13)	(14)	(15)	(16)
6	Nguyễn Ngọc Trân		16/8/1999	Hỗ trợ công việc tại VP Đảng ủy	Cán bộ tuyên giáo Đảng ủy	5.475.600	2 năm 4 tháng	2.5	28	26 tuổi 9 tháng	159,613,740	122,653,440	20,533,500	16,426,800	
7	Đỗ Chí Phong	09/9/1998		Hỗ trợ công việc tại Ban Xây dựng Đảng	Cán bộ Dân vận Đảng ủy	5.475.600	3 năm 11 tháng	4	47	27 tuổi 8 tháng	255,162,960	205,882,560	32,853,600	16,426,800	
8	Nguyễn Vũ Khanh	05/12/1996		Hỗ trợ công việc tại VP Đảng ủy	Cán bộ Văn phòng - Tuyên giáo Đảng ủy	5.475.600	4 năm 11 tháng	5	59	29 tuổi 5 tháng	315,942,120	258,448,320	41,067,000	16,426,800	
9	Nguyễn Kim Nhạn		21/8/1997	Hỗ trợ công việc tại TTPVHCC	Cán bộ Kế hoạch - Giao thông - Thủy lợi - Nông - Lâm - Ngư nghiệp	5.475.600	3 năm 10 tháng	4	46	28 tuổi 9 tháng	250,782,480	201,502,080	32,853,600	16,426,800	
10	Lê Văn Chính	15/7/1987		Hỗ trợ công việc tại Ban Xây dựng Đảng	Cán bộ Dân vận Đảng ủy	5.475.600	3 năm 3 tháng	3.5	39	38 tuổi 10 tháng	216,012,420	170,838,720	28,746,900	16,426,800	
11	Trần Quốc Khải	29/3/1987		Hỗ trợ công việc tại Phòng Kinh tế	Nhân viên Thú y	5.475.600	3 năm 11 tháng	4	47	39 tuổi 2 tháng	255,162,960	205,882,560	32,853,600	16,426,800	
12	Lê Chúc Linh		07/02/1993	Hỗ trợ công việc tại UBMTTQ VN xã	Phó Chủ tịch UBMTTQVN	5.475.600	2 năm 3 tháng	2.5	27	33 tuổi 3 tháng	155,233,260	118,272,960	20,533,500	16,426,800	
II	Đối với người có từ đủ 05 năm công tác trở lên và có tuổi đời còn từ đủ 05 năm trở lên đến tuổi nghỉ hưu:														
13	Lê Trường An	08/6/1982		Hỗ trợ công việc tại BCHQS xã	Phó Chỉ huy trưởng BCH quân sự	4.352.400	11 năm 8 tháng	12	140	43 tuổi 11 tháng	300,315,600	208,915,200	78,343,200	13,057,200	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh hiện tại	Chức danh không chuyên trách cấp xã (trước ngày 01/7/2025)	Mức phụ cấp tại thời điểm tháng 6/2025 (đồng)	Thời gian công tác (tính đến 31/5/2026)	Quy đổi thời gian		Tuổi khi giải quyết nghỉ việc	Dự kiến kinh phí thực hiện chế độ, chính sách (đồng)				Ghi chú
		Nam	Nữ					Năm công tác	Tháng công tác		Tổng cộng	Hưởng trợ cấp một lần	Hưởng trợ cấp theo số năm công tác	Trợ cấp 03 tháng phụ cấp hàng tháng hiện hưởng để tìm việc làm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(13)+(14)+(15)	(13)	(14)	(15)	(16)
14	Phan Văn Hữu	11/5/1984		Hỗ trợ công việc tại UBMTTQ VN xã	Phó Chủ tịch UBMTTQVN	4.352.400	20 năm 1 tháng	20.5	241	42 tuổi	355,808,700	208,915,200	133,836,300	13,057,200	
15	Nguyễn Chí Nguyễn	05/10/1990		Hỗ trợ công việc tại BCHQS xã	Phó Chỉ huy trưởng BCH quân sự	5.475.600	12 năm 4 tháng	12.5	148	35 tuổi 7 tháng	381,923,100	262,828,800	102,667,500	16,426,800	
16	Nguyễn Văn Giải	22/9/1984		Hỗ trợ công việc tại BCHQS xã	Phó Chỉ huy trưởng BCH quân sự	5.475.600	14 năm 8 tháng	15	176	41 tuổi 8 tháng	402,456,600	262,828,800	123,201,000	16,426,800	
17	Nguyễn Tấn Tài	23/3/1983		Hỗ trợ công việc tại VP HĐND&UBND xã	Cán bộ nông, lâm, ngư nghiệp	5.475.600	16 năm 5 tháng	16.5	197	43 tuổi 2 tháng	414,776,700	262,828,800	135,521,100	16,426,800	
Tổng											4,421,996,280	3,243,689,280	910,845,000	267,462,000	

Tổng cộng: 17 người.